

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy chế biến nông sản liên kết chuỗi kết hợp thương mại dịch vụ Xuân Hòa tại xã Xuân Hòa, huyện Như Xuân của Công ty TNHH Xuất nhập khẩu nông sản T9

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2546/QĐ-UBND ngày 17/7/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án Nhà máy chế biến nông sản liên kết chuỗi kết hợp thương mại dịch vụ Xuân Hòa tại xã Xuân Hòa, huyện Như Xuân;

Xét Văn bản số 2272/STNMT-BVMT ngày 18/03/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM Dự án Nhà máy chế biến nông sản liên kết chuỗi kết hợp thương mại dịch vụ Xuân Hòa tại xã Xuân Hòa, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nông sản T9;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 662/Tr-STNMT ngày 17/4/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy chế biến nông sản liên kết chuỗi kết hợp thương mại dịch vụ Xuân Hòa (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Xuất nhập khẩu

Nông sản T9 (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Xuân Hòa, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy chế biến nông sản liên kết chuỗi kết hợp thương mại dịch vụ Xuân Hòa của Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nông sản T9 thực hiện tại xã Xuân Hòa, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Như Xuân, Giám đốc Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nông sản T9 và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND xã Xuân Hòa (để giám sát);
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Dự án Nhà máy chế biến nông sản liên kết chuỗi kết hợp thương mại dịch vụ Xuân Hòa tại xã Xuân Hòa, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của
Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

1. Thông tin chung dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Nhà máy chế biến nông sản liên kết chuỗi kết hợp thương mại dịch vụ Xuân Hòa.
- Địa điểm thực hiện: Xã Xuân Hòa, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá.
- Chủ dự án: Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nông sản T9.
- + Đại diện: Ông Bùi Thiên Trường - Chức vụ: Giám đốc.
- + Địa chỉ liên hệ: Số 4 đường Sơn Long, thôn 1, xã Thượng Mỗ, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Phạm vi, quy mô: Dự án được thực hiện trên khu đất thuộc địa giới hành chính xã Xuân Hòa, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá với tổng diện tích 3,06 ha.
- Công suất sản xuất tối đa 30 tấn/ngày; trong đó:
 - + Sản phẩm nông sản cấp đông là 7,5 tấn/ngày;
 - + Sản phẩm nông sản sấy khô/sấy dẻo là 7,5 tấn/ngày;
 - + Sản phẩm nước ép là 15 tấn/ngày.
- Công nghệ sản xuất
 - + Quy trình sản xuất nước ép đóng chai: Nguyên liệu → Phân loại → Rửa nguyên liệu → Ép nguyên liệu → Lọc → Thanh trùng → Nước ép → Đóng gói → Sản phẩm.
 - + Quy trình sản xuất nông sản cấp đông: Nguyên liệu → Phân loại → Sơ chế → Rửa → Tách thịt → Đóng bao → Cấp đông
 - + Quy trình chế biến nông sản sấy dẻo: Nguyên liệu → Phân loại → Rửa → Tách thịt → Chần xoài → Ngâm trong dung dịch đường → Sấy lạnh → Đóng gói → Lưu kho.
 - + Quy trình chế biến nông sản sấy khô: Nguyên liệu → Phân loại → Rửa → Chần ọt → Sấy lạnh → Đóng gói → Lưu kho.
- Quy mô sử dụng lao động khoảng: 300 người.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình của dự án:
 - + Các hạng mục công trình chính: Xưởng chế biến hoa quả (quy mô 01 tầng, diện tích 5.788,16 m²); xưởng ép nước hoa quả (quy mô 01 tầng, diện tích 6.000 m²); nhà nghỉ ca cán bộ, nhân viên (quy mô 02 tầng, diện tích 500 m²); nhà ăn, căng tin (quy mô 01 tầng, diện tích 500 m²); nhà bảo quản lạnh (quy

mô 01 tầng, diện tích 2.000 m²); nhà văn phòng, làm việc (quy mô 01 tầng, diện tích 300 m²); công trình phụ trợ có mái che (quy mô 01 tầng, diện tích 200 m²), nhà trưng bày giới thiệu sản phẩm (quy mô 02 tầng, diện tích 597,60 m²);

+ Các hạng mục công trình phụ trợ: Nhà bảo vệ 1 (quy mô 01 tầng, diện tích 25 m²), nhà bảo vệ 2 (quy mô 01 tầng, diện tích 25 m²), nhà xe 1 (quy mô 01 tầng, diện tích 360 m²), nhà xe 2 (quy mô 01 tầng, diện tích 136 m²) và các công trình phụ trợ khác;

+ Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: Khu xử lý nước thải – tập kết chất thải rắn (quy mô 01 tầng, diện tích 1.735,18 m²), bể PCCC – nhà bơm (diện tích 200 m²), bể nước sạch (diện tích 100 m²) và các công trình bảo vệ môi trường khác.

- Hoạt động của dự án:

+ Giai đoạn thi công xây dựng: xây dựng các hạng mục công trình phục vụ dự án.

+ Giai đoạn vận hành: Hoạt động sản xuất của Nhà máy.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Giai đoạn thi công xây dựng: Hoạt động thi công xây dựng các công trình của dự án, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, hoạt động của máy móc, thiết bị trên công trường, hoạt động của công nhân tham gia thi công xây dựng, ... Các hoạt động này phát sinh bụi, khí thải, nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung tác động đến dân cư và các yếu tố tự nhiên, xã hội khác.

- Giai đoạn vận hành: Hoạt động sản xuất, vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm; hoạt động sinh hoạt của công nhân, ... Các hoạt động này sẽ phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất, chất thải nguy hại, ... tác động đến công nhân, môi trường tự nhiên và các yếu tố xã hội khác.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Giai đoạn xây dựng:

3.1.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án có lưu lượng khoảng 3.336,79 m³/ngày có lượng mưa lớn nhất. Thành phần chủ yếu gồm: cát, bùn đất, các chất bẩn cuốn trôi trên bề mặt.

- Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công có lưu lượng khoảng 3,2 m³/ngày đêm. Trong đó nước thải từ quá trình rửa tay chân, giặt quần áo 1,6 m³/ngày đêm, nước thải vệ sinh xí tiêu: 1,6 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu gồm: chất cặn bã, chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD); các chất dinh dưỡng (N, P), phốt pho (P); vi sinh (coliform)...

- Nước thải từ hoạt động vệ sinh thiết bị thi công khoảng 5 m³/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: chất rắn lơ lửng, đất, cát, ...

3.1.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải trong quá trình đào đắp; phương tiện thi công; phương tiện vận chuyển; trút đổ nguyên vật liệu; san gạt mặt bằng, ... Thành phần chủ yếu gồm: bụi, SO₂, NO_x, CO,...

3.1.3. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

a. Quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt trong quá trình thi công xây dựng phát sinh từ hoạt động của công nhân thi công với khối lượng khoảng 40 kg/ngày.

- Chất thải rắn thông thường trong quá trình thi công xây dựng khoảng 251.258,5 tấn, bao gồm: 3,06 tấn thực vật phát quang; 158,64 tấn chất thải rắn từ quá trình xây dựng; 251.096,8 tấn đất dư sau quá trình đào bóc phong hoá, đắp san nền.

b. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại gồm giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy,... khối lượng khoảng 16,8 kg/quá trình thi công.

- Khối lượng dầu thải từ các phương tiện thi công dự án tối đa tại công trường 344 lít/giai đoạn thi công.

3.1.4. Tiếng ồn, độ rung và các tác động khác

- Tác động do tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các hoạt động thi công của các loại máy móc, thiết bị trên công trường. Các đối tượng bị tác động bao gồm người dân sinh sống xung quanh khu vực dự án, công nhân thi công tại công trường và người dân tham gia giao thông qua khu vực dự án.

- *Tác động do chiếm dụng đất rừng sản xuất:* Việc thu hồi đất trên ảnh hưởng tới 1 hộ dân bị mất đất sản xuất nông nghiệp, đất canh tác.

- *Tác động do việc khai thác nước dưới đất:* Làm hạ thấp mực nước ngầm, sụt lún đất, ảnh hưởng hệ sinh thái địa phương, ...

- *Các rủi ro, sự cố môi trường:* Rủi ro, sự cố bom mìn tồn lưu; tai nạn giao thông; tai nạn lao động; hư hỏng công trình giao thông, ...

3.2. Giai đoạn vận hành:

3.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên: Lưu lượng lớn nhất khoảng 13,04 m³/ngày đêm; trong đó, nước thải từ quá trình tắm rửa tay chân, giặt quần áo: 4,892 m³/ngày đêm; nước thải nhà ăn: 1,192 m³/ngày đêm; nước thải rội nhà vệ sinh: 6,956 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu: chất cặn bã, chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD); các chất dinh dưỡng (N, P), photpho (P); vi sinh (coliform)...

- Nước thải sản xuất phát sinh từ hoạt động rửa nguyên liệu, vệ sinh thiết bị, chần nguyên liệu: Lưu lượng lớn nhất khoảng 44,3 m³/ngày đêm. Thành

phần chủ yếu: TSS, COD, Tổng N, Amoni, ...

- Nước thải từ hoạt động vệ sinh nhà xưởng: 6,792 m³/ngày. Thành phần chủ yếu TSS, BOD₅, COD.

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án có lưu lượng khoảng 17.319,4 m³/ngày có lượng mưa lớn nhất. Thành phần chủ yếu: cát, bùn đất, TSS, ...

3.2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Nguồn phát sinh bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào dự án, hoạt động vận hành máy phát điện, ... Thành phần chủ yếu: CO, NO₂, SO₂,...

- Nguồn phát sinh bụi từ hoạt động sản xuất:

+ Khí thải phát sinh từ hệ thống làm lạnh.

+ Mùi, khí thải phát sinh từ công trình thu gom, xử lý nước thải, khu tập kết chất thải rắn, khu vực ủ phân. Thành phần chủ yếu: H₂S; NH₃; CH₄...

3.2.3. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

a. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ sinh hoạt của công nhân khoảng 152,2 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: túi nilon, giấy, bìa carton, vỏ bao bì,...

- Chất thải rắn sản xuất khoảng 10,8117 tấn/ngày. Trong đó chất thải rắn từ quá trình sản xuất (vỏ, hạt, bã ép, ...) là 7,0439 tấn/ngày; chất thải rắn từ nguyên liệu phụ trợ (đường, thùng carton, băng dính, ...) là 0,7908 tấn/ngày; chất thải rắn từ nguyên liệu đầu vào (bao bì, thùng) là 2,977 tấn/ngày.

- Ngoài ra, còn có chất thải phát sinh từ cảnh quan môi trường, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

b. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành dự án gồm: Pin, ắc quy, dầu thải, bao bì cứng thải dính thành phần nguy hại; giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại ... khoảng 190 kg/năm.

- Chất thải lỏng nguy hại là dầu thải phát sinh từ quá trình bảo dưỡng, thay dầu thiết bị máy của dự án khoảng 114 lít/năm.

3.2.4. Tiếng ồn, độ rung, nhiệt dư và các tác động khác

Tiếng ồn, độ rung, nhiệt dư phát sinh từ quá trình sản xuất; từ phương tiện ra vào nhà máy, ... và các rủi ro, sự cố môi trường như: sự cố cháy nổ, an toàn lao động, hư hỏng hệ thống xử lý chất thải, ...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

4.1. Giai đoạn xây dựng:

4.1.1. Công trình biện pháp thu gom và xử lý nước thải:

a. Biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

- Nước thải rửa tay chân, tắm giặt giai đoạn xây dựng: Bố trí 01 hồ lắng thể tích 6,0 m³ (kích thước 2m x 3m x 1m; đáy và thành được lót bằng vải địa kỹ thuật HDPE để chống thấm) để thu gom, xử lý. Nước thải sau lắng được tái sử dụng lại một phần phục vụ rửa xe, tưới đường dập bụi, phần còn lại thoát ra

mương thoát nước chung của khu vực.

- Nước thải nhà vệ sinh: Bố trí 02 nhà vệ sinh di động (thể tích ngăn chứa chất thải khoảng 1,8 m³/nhà) để thu gom nước thải vệ sinh; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, đưa đi xử lý định kỳ.

b. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng

Nước thải rửa xe, nước thải rửa dụng cụ thi công được thu gom, dẫn về 01 hố lắng tạm thể tích 6 m³/hố để lắng lọc cùng nước thải rửa tay chân. Nước thải sau lắng được tái sử dụng lại một phần phục vụ rửa xe, tưới đường đập bụi, phần còn lại thoát ra mương thoát nước chung của khu vực.

4.1.2. Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính, ... theo quy định, bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân.

- Dùng xe xịt 5,0 m³, phun theo ống đục lỗ nằm ngang phía dưới xịt. Tần suất phun nước 04 lần/ngày và tăng số lần phun nước trong điều kiện thời tiết khô hanh tại một số vị trí nhạy cảm như tuyến đường qua các khu dân cư lân cận.

- Phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng phải chở đúng trọng tải quy định của xe và có che phủ bạt phía trên để tránh rơi vãi trong quá trình di chuyển.

- Bố trí khu vực rửa bánh xe vận chuyển nguyên vật liệu trước khi ra khỏi khu vực thi công; phun nước rửa sạch bùn đất dính bám trên lốp xe trước khi ra khỏi công trường; các xe vận tải chuyên chở nguyên vật liệu cho quá trình thi công xây dựng phải có bạt che kín thùng xe.

- Lắp dựng tường rào tạm cao 2,0 m dài khoảng 600 m bằng tôn quanh tại vị trí tiếp giáp tuyến đường Hồ Chí Minh để giảm thiểu bụi khuếch tán.

4.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt

- Trang bị ít nhất 05 thùng đựng rác có nắp đậy (dung tích 20 lít/thùng; 50 lít/thùng) tại khu vực lán trại công nhân để thu gom chất thải rắn sinh hoạt; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển và xử lý đúng quy định.

- Yêu cầu cán bộ, công nhân khi tham gia thi công thực hiện tốt công tác phân loại, không xả rác thải bừa bãi và giữ vệ sinh chung.

b. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng

- Đối với cát, đá rơi vãi sẽ tận dụng làm vật liệu nền tại dự án.

- Đối với lớp đất bóc phong hoá một phần được sử dụng cho hoạt động đắp san nền của dự án, một phần đất dư sau quá trình đắp san nền sẽ được đổ thải làm vật liệu san nền nhằm tạo mặt phẳng cho diện tích trồng các loại nông sản như xoài, chanh leo, ... của hộ dân xung quanh dự kiến theo biên bản thỏa thuận vị trí đổ thải ký giữa chủ đầu tư và các hộ dân xung quanh.

- Đối với thực vật phát quang: Được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Đối với sắt, thép thừa, bao bì xi măng, cotton, ... được thu gom, tái sử dụng hoặc bán lại cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

4.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Trang bị ít nhất 04 thùng chứa (dung tích 60 lít/thùng) để chứa chất thải rắn nguy hại; 02 thùng phuy với dung tích 200 lít/thùng để chứa chất thải lỏng nguy hại.

- Các thùng chứa đều có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định đặt tại khu vực có mái che bằng tôn, nền cao, tránh nước mưa. Hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

4.1.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và các tác động khác

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

+ Phương tiện sử dụng trong thi công đúng số lượng, chủng loại, công suất được duyệt và được kiểm tra, chứng nhận về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

+ Trang bị bảo hộ lao động giảm ồn cá nhân cho công nhân vận hành phương tiện theo quy định.

+ Đối với sự cố hư hỏng đường xá, ... Yêu cầu sử dụng các thiết bị thi công đạt đăng kiểm trong quá trình thi công; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên; các phương tiện vận chuyển không chở quá tải trọng; thực hiện đền bù nếu hoạt động thi công gây rung lắc hư hại đến nhà dân xung quanh dự án.

- Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất: Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và đền bù đất, hoa màu theo đơn giá vào thời điểm kiểm đếm chi tiết, bảo đảm đủ, kịp thời.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố:

+ Sự cố tai nạn giao thông: lắp đặt biển cảnh báo công trường đang thi công; không vận chuyển nguyên vật liệu vào các khung giờ cao điểm; lắp đặt đèn cảnh báo, biển báo hiệu, hàng rào cảnh báo và bố trí nhân lực hướng dẫn phân luồng giao thông tại các nút giao thông nối từ công trường với tuyến đường chính của khu vực thực hiện dự án, ...;

+ Sự cố cháy nổ: Ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn, trang bị 2 bình bột PCCC tại khu lán trại tạm.

- Biện pháp giảm thiểu tác động do khai thác nước ngầm:

+ Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định, quy trình kỹ thuật về khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, bảo vệ nguồn nước khai thác và môi trường liên quan. Theo dõi sự biến đổi mực nước, lưu lượng, chất lượng nước tại các giếng khai thác để điều chỉnh chế độ khai thác phù hợp.

+ Kiểm soát và sửa chữa hệ thống rò rỉ: Thường xuyên kiểm tra và sửa chữa các rò rỉ trong hệ thống cấp nước để tránh mất nước không cần thiết.

+ Xây dựng hệ thống xử lý tuần hoàn tái sử dụng nước nhằm hạn chế lưu lượng nước khai thác.

4.2. Giai đoạn vận hành

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom và xử lý nước thải

a. Nước mưa chảy tràn:

- Bố trí hệ thống thu gom nước mưa tách riêng với hệ thống thu gom nước thải.

- Nước mưa mái được thu gom vào senô theo đường ống dẫn PVC D110 lắp đứng dẫn về hệ thống tiêu thoát nước mưa chảy tràn của dự án.

- Nước mưa chảy tràn sau khi thu gom bằng hệ thống rãnh hở hình thang, cống BTCT, hố ga để lắng cặn, nước mưa sau đó thoát ra hệ thống thoát nước dọc tuyến đường Hồ Chí Minh.

- Thường xuyên nạo vét, duy tu hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

b. Nước thải sinh hoạt:

- Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng 5 bể tự hoại 3 ngăn (tổng thể tích 200 m³); sau đó, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 86 m³/ngày.đêm đặt tại phía Đông Bắc của dự án để tiếp tục xử lý trước khi tuần hoàn, tái sử dụng.

- Nước thải phát sinh từ rửa tay chân, tắm giặt, nước vệ sinh nhà xưởng được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án để tiếp tục xử lý trước khi tuần hoàn tái sử dụng.

- Nước thải phát sinh từ khu vực nhà ăn ca được xử lý sơ bộ bằng 1 bể tách dầu mỡ (tổng thể tích 1,5 m³); sau đó, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án để tiếp tục xử lý trước khi tuần hoàn tái sử dụng.

c. Nước thải sản xuất:

- Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh công nghiệp, hoạt động rửa nguyên liệu, vệ sinh thiết bị được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án để tiếp tục xử lý trước khi tuần hoàn tái sử dụng.

d. Hệ thống xử lý nước thải tập trung và phương án tuần hoàn tái sử dụng:

- Quy trình công nghệ của hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 86 m³/ngày.đêm như sau: Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ và nước thải sản xuất → Bể gom → Máy sàng rác tinh → Bể điều hòa → Bồn phản ứng hóa lý → Bồn lắng hóa lý → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng 1 → Bể trung gian → Tuần hoàn tái sử dụng.

- Phương án tuần hoàn tái sử dụng nước thải sau xử lý:

+ Bốn mươi phần trăm (40%) nước thải sau xử lý qua bể khử trùng 1, xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT tuần hoàn tái sử dụng cho mục đích tưới gốc cây, rửa đường;

+ Sáu mươi phần trăm (60%) nước thải sau xử lý còn lại → MBR → Bể

lắng 2 → Bể khử trùng 2 → Xử lý đạt Cột A, QCVN 40:2011/BTNMT → Thiết bị lọc RO → 60% nước sạch thu được sử dụng cho hoạt động sản xuất, 40% nước thải sau quá trình RO được sử dụng cho mục đích rửa nhà vệ sinh, vệ sinh công nghiệp (lau sàn).

- Nước thải phát sinh từ Dự án phải xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi tuần hoàn tái sử dụng cho mục đích tưới gốc cây, rửa đường; đạt QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi qua RO, tuần hoàn tái sử dụng.

4.2.2. Các biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải:

- Bụi khí thải phát sinh từ quá trình vận chuyển, từ hệ thống thu gom, xử lý chất thải, ...

+ Các xe vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm được xếp lịch và có giờ giao nhận nguyên liệu, sản phẩm cụ thể; trong quá trình bốc xếp nguyên liệu, sản phẩm lên các phương tiện vận chuyển các phương tiện phải tắt máy.

+ Định kỳ bảo dưỡng các phương tiện của nhà máy đảm bảo các phương tiện hoạt động tốt; kiểm định các phương tiện theo đúng quy định.

+ Thường xuyên phun tưới nước sân đường, vỉa hè của Nhà máy; tần suất phun ẩm là 04 lần/ngày đối với những ngày không mưa và thực hiện bổ sung khi phát sinh bụi nhiều.

+ Thiết kế hệ thống thu gom nước mưa, nước thải, các hố ga có nắp đậy; thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom, xử lý nước thải, nạo vét định kỳ tránh tình trạng tắc nghẽn, vỡ đường ống làm phát sinh mùi hôi thối.

+ Bổ sung chế phẩm (BIO-S, BIO-Phốt) dạng bột vào hệ thống bể tự hoại để tăng hiệu quả xử lý, tránh bùn tắc bể và phát sinh mùi; sử dụng hóa chất (như Oclean, Sumo, Davi - Star dạng bột) để thông tắc đường ống thoát nước thải.

+ Các thùng đựng rác đều có nắp và đưa đi xử lý hàng ngày nhằm hạn chế sự phát tán mùi hôi do phân hủy các chất hữu cơ có trong rác thải.

+ Đối với chất thải phát sinh từ quá trình sản xuất được tận dụng làm phân bón được tập kết và xử lý trong ngày.

- Khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng: Bố trí khu vực đặt máy phát điện tại vị trí riêng biệt, trang bị hệ thống thoát khí.

- Bố trí công nhân vệ sinh thường xuyên quét dọn sân đường nội bộ, nhà xưởng.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động (quần, áo, khẩu trang, bao tay, ...) cho công nhân làm việc tại Nhà máy.

- Sử dụng quạt thông gió nhà xưởng, kho lạnh bảo quản thực phẩm để đảm bảo môi trường lao động, an toàn thực phẩm.

- Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỉ lệ theo đúng quy hoạch được phê duyệt; đặc biệt, xung quanh khu vực hệ thống xử lý nước thải, khu tập kết rác thải.

4.2.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

a. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Trang bị và sử dụng các thùng rác (loại 5 lít/thùng; 10 lít/thùng; 50 lít/thùng) có nắp đậy bố trí trong các phòng làm việc và dọc hành lang các nhà xưởng, nhà trưng bày giới thiệu sản phẩm, khu nhà văn phòng làm việc, khu nhà ăn, nhà nghỉ ca công nhân, nhà vệ sinh, ... Trang bị 02 cụm thùng nhựa composite (mỗi cụm 3 thùng dung tích 50 lít/thùng) đặt tại sân đường nội bộ của dự án sau đó thu gom về 03 thùng nhựa dung tích 240 lít đặt tại nhà kho chứa chất thải rắn sinh hoạt (có diện tích 15 m² tại khu vực phía Đông Bắc dự án).

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đi xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

- Chất thải rắn sản xuất:

+ Đối với chất thải rắn từ quá trình sản xuất (vỏ, bã ép, ...): Được thu gom, đưa về thiết bị ủ phân BRU 2000 (Nguyên liệu sau nghiền và chế phẩm vi sinh đưa vào buồng ủ của máy). Cơ chế vận hành của máy là theo cơ chế chống quay, tại đây diễn ra quá trình phân hủy nhờ vào sự hoạt động của vi sinh vật và sinh ra nhiệt, nhiệt là tác nhân để tiêu diệt các vi khuẩn có hại trong phân, thời gian lưu trong trống là 8-12 giờ) đặt tại khu hạ tầng kỹ thuật (ký hiệu HTKT1) nằm phía Đông Bắc của dự án để tận dụng sản xuất phân hữu cơ. Sản phẩm phân bón tại dự án sau quá trình sản xuất đảm bảo chất lượng theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn của Pháp luật hiện hành sẽ được Công ty đưa đến nông trường trồng nông sản trong chuỗi liên kết của nhà máy theo cơ chế đầu tư cung ứng phân bón, hỗ trợ kỹ thuật cho người dân trong quá trình trồng, chăm sóc cây trồng.

+ Bao bì, thùng bìa carton, túi nilon,... được thu gom, vận chuyển về ngăn chứa riêng trong kho chứa chất thải công nghiệp có diện tích khoảng 50 m² tại phía Đông Bắc dự án.

+ Đối với bao bì, xọt, thùng được nguyên liệu được thu gom đưa quay lại điểm sơ chế nông sản để sử dụng.

+ Định kỳ, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển các loại chất thải rắn trên đi xử lý theo quy định.

+ Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung hợp đồng với đơn vị chức năng thông hút, vận chuyển xử lý theo quy định sau khi phân định là chất thải thông thường.

b. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn nguy hại:

- Trang bị ít nhất 04 thùng chứa (thể tích 50lít/thùng; 120 lít/thùng) có nắp đậy để lưu chứa chất thải rắn nguy hại, dán nhãn đặt tại kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 15 m² tại khu vực phía Đông Bắc dự án để lưu chứa chất thải nguy hại dạng rắn, lỏng; định kỳ, hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu

gom, đưa đi xử lý theo quy định. Kho lưu chứa chất thải rắn nguy hại xây dựng nền kho đảm bảo kín khít, có mái che nắng mưa, bố trí thiết bị lưu chứa đảm bảo an toàn nắp đậy kín, có dán biển hiệu cảnh báo theo tiêu chuẩn của Pháp luật hiện hành

4.2.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

+ Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng bảo trì các dây truyền thiết bị theo đúng định kỳ. Cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra độ mòn chi tiết và phải thường xuyên tra dầu bôi trơn cho các máy.

+ Khi có sự cố hỏng hóc trên các dây truyền hay máy móc thiết bị phải dừng vận hành ngay và sửa chữa trước khi hoạt động lại.

+ Trên các dây truyền máy móc thiết bị gây tiếng ồn lớn phải được lắp các thiết bị giảm âm là các đệm cao su được lót dưới chân đế các máy móc, thiết bị.

+ Trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động chuyên dụng cho công nhân tham gia vận hành trên những dây truyền máy móc có tiếng ồn lớn như: nút tai chống ồn.

+ Bố trí giờ làm hợp lý cho từng chuyền sản xuất để giảm mật độ người lao động ùn tắc trong những giờ cao điểm. Bố trí nhân viên bảo vệ hướng dẫn các phương tiện tại khu vực cổng ra vào của Nhà máy. Thường xuyên tuyên truyền nhắc nhở cán bộ, công nhân tuân thủ luật giao thông và đảm bảo an toàn giao thông.

+ Trồng cây xanh trong khuôn viên Nhà máy để giảm thiểu bụi, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất tới môi trường xung quanh.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó với rủi ro, sự cố:

+ Sự cố hệ thống xử lý chất thải:

Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các hệ thống thu gom và xử lý chất thải; bố trí nhân viên quản lý, vận hành và giám sát vận hành các hệ thống thu gom, xử lý chất thải.

Đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 86 m³/ngày đêm, trường hợp tràn nước do mưa lớn kéo dài, lượng nước thải sau xử lý của hệ thống đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép của Pháp luật hiện hành. Nếu hệ thống xử lý gặp sự cố cần khắc phục, nhà máy sẽ dừng hoạt động nhằm khắc phục sự cố trước khi tiếp tục vận hành.

+ Phòng cháy và chữa cháy: Lập và thực hiện theo đúng hồ sơ thiết kế PCCC được cơ quan có thẩm quyền thẩm duyệt; trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị phòng cháy chữa cháy; đảm bảo chất lượng theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.

+ Sự cố tai nạn lao động: Lắp đặt bảng nội quy an toàn lao động; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động; tuyên truyền, tập huấn nâng cao ý thức người lao động.

+ Sự cố hóa chất: Lập phương án ứng phó sự cố hóa chất và thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất theo đúng quy định.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

Căn cứ theo Điều 111, Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Điều 97, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải, khí thải.

Chủ đầu tư đề xuất và cam kết thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường dự án cụ thể như sau:

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần;

- Vị trí giám sát: 02 vị trí gồm

+ NT1: 01 vị trí nước thải sau bể khử trùng 1 của hệ thống xử lý nước thải tập trung;

+ NT2: 01 vị trí nước thải sau bể khử trùng 2 của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Chỉ tiêu giám sát: pH, COD, BOD₅, Amoni, Tổng N, Tổng P, TSS, Dầu mỡ động thực vật, Clo dư, Coliform.

- Quy chuẩn giám sát:

+ NT1: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B; $K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$);

+ NT2: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A; $K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$).

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động môi trường đối với các loại chất thải phát sinh phải được thu gom, quản lý và xử lý đạt các yêu cầu quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp; QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; QCVN 03:2019/BYT về Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.